TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **127**/2023/DS-PT
Ngày: 20 – 3 – 2023.
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đức.

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Bình và ông Trần Duy Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Anh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Lương Thị Diệu Anh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 324/2022/TLPT-DS, ngày 22/11/2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 117/2022/DS-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 374/2022/QĐ-PT ngày 01/12/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình S, sinh năm 1959; Địa chỉ: Đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N; Địa chỉ: Đường Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn A, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Nơi làm việc: Đường M, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lại Nam H, Văn phòng luật sư H - Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: Đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, cùng lời khai của các đương sự, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

**** Nguyên đơn ông Nguyễn Đình S trình bày:***

Từ mối quan hệ quen biết nên tôi đã cho bà Phạm Thị Đ vay tiền, cụ thể như sau:

Ngày 26/8/2019, tôi (S) đã cho bà Đ vay 200.000.000 đồng với thỏa thuận lãi suất là 10%/năm, thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày 26/8/2019 đến ngày 26/8/2020, khi vay có ký hợp đồng công chứng tại Văn phòng công chứng Đ;

Tiếp đến ngày 20/9/2019, tôi (S) chuyển khoản cho bà Đ vay thêm 200.000.000 đồng; Ngày 23/9/2019, tôi S chuyển khoản cho bà Đ vay tiếp 100.000.000 đồng. Bà Đ hứa sau 03 tháng sẽ trả cho tôi số tiền 300.000.000 đồng này nhưng bà Đ không trả. Do đó, đến ngày 09/5/2020 bà Đ và tôi thỏa thuận ký lại hợp đồng vay tiền cá nhân với nội dung: Tôi cho bà Đ vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 18 tháng tính từ ngày 20/9/2019, lãi suất 10%/năm, tiền lãi thanh toán một lần cùng tiền gốc vào ngày 20/3/2021. Tới nay, bà Đ vẫn chưa trả cho tôi khoản gốc và lãi nào của 02 lần vay nói trên. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Đ phải trả cho tôi tổng số tiền 500.000.000 đồng tiền gốc và lãi theo quy định.

Bị đơn bà Phạm Thị Đ trình bày:

Bà xác nhận giấy vay tiền ngày 26/8/2019 được Văn phòng công chứng Đ công chứng như ông S khởi kiện tôi là đúng.

Đối với giấy vay tiền ngày 09/5/2020 thì bà không đồng ý vì bà không ký và viết tên trên giấy này.

Về lãi suất thì ông S đã lấy của bà nhiều hơn so với lãi suất trong giấy cụ thể là: 6.000.000đ/tháng đối với khoản 100.000.000 đồng; còn khoản vay 200.000.000 đồng thì ông S tính lãi là 12.000.000 đồng/tháng.

Bà Yêu cầu ông S đưa các số tài khoản của những người mà bà đã chuyển khoản tiền để bà sao kê các khoản tiền bà đã chuyển khoản cho họ để trừ đi khoản gốc và lãi mà bà đã chuyển trả cho ông S.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn P trình bày:

Do tôi là người quen biết với ông Nguyễn Đình S nên ngày 09/5/2020 tôi được ông S nhờ làm chứng việc ông S bà Đ ký hợp đồng cho vay tiền cá nhân với nội dung ngày 20/9/2019, ông S chuyển khoản cho bà Đ vay 200.000.000đ; Ngày 23/9/2019, ông S cho bà Đ vay tiếp 100.000.000đ. Bà Đ hứa sau 03 tháng sẽ trả số tiền 300.000.000 đồng với thời hạn 18 tháng tính từ ngày 20/9/2019, lãi suất 10%/năm, tiền lãi thanh toán một lần cùng tiền gốc, bà Đ không thế chấp tài sản gì cho ông S.

Bản án sơ thẩm số 117/2022/DS-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình S.

Buộc bà Phạm Thị Đ phải trả cho ông Nguyễn Đình S số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi là 148.230.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/9/2022, bị đơn bà Phạm Thị Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị đơn bà Phạm Thị Đ cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ mới là các bản sao kê tài khoản ngân hàng của bà, bà Đ cho rằng bà đã trả nợ cho ông S cả lãi và gốc bằng hình thức nhiều lần chuyển khoản tiền vào các tài khoản ngân hàng của ông S với tổng số tiền là **220.456.000 đồng.** Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Đình S xác nhận trong số tiền mà bà Đ cung cấp cho Tòa án cho rằng đã chuyển khoản cho ông S thì ông S đã nhận được tổng cộng **187.000.000 đồng** (Một trăm tám mươi bảy triệu đồng).

Tuy nhiên, ông S cho rằng đó không phải là số tiền bà Đ trả nợ các khoản mà ông S đang khởi kiện trong vụ án này, mà đây là số tiền giao dịch qua lại từ những việc khác vì ông S là khách hàng mua bảo hiểm của công ty bà Đ chứ không liên quan tới việc trả nợ. Còn lại các số tiền mà bà Phạm Thị Đ chuyển tiền cho những người khác không phải chuyển tiền vào tài khoản của ông S thì ông S không biết, không liên quan và cũng không phải số tiền trả nợ của bà Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu khởi kiện. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn xác định bị đơn bà Phạm Thị Đ thừa nhận có vay của ông S tổng số tiền 500.000.000 đồng như ông S khởi kiện, tuy nhiên bà Đ đã trả nợ cho ông S tổng số tiền là 220.456.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án cũng như các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị đơn đã cung cấp tài liệu chứng cứ mới và cho rằng đã trả nợ cho ông S tổng số tiền là 220.456.000 đồng thông qua việc chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của ông S; Nguyên đơn ông S đã thừa nhận chỉ nhận được 187.000.000 đồng từ bà Đ và cho rằng đây là tiền bà Đ trả cho ông các khoản khác không liên quan tới vụ án này nhưng không có tài liệu chứng cứ để chứng minh. Do đó, đủ cơ sở khẳng định sau khi vay tiền của ông S thì bà Đ đã trả nợ cho ông S được tổng cộng 187.000.000 đồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phần trình bày của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Đ được nộp trong thời hạn luật định nên được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn bà Phạm Thị Đ chỉ thừa nhận có vay của ông S số tiền 200.000.000 đồng ngày 26/8/2019 được Văn phòng công chứng Đ công chứng. Còn đối với hợp đồng vay tiền cá nhân đề ngày 09/5/2020 số tiền 300.000.000 đồng thì bà Đ cho rằng không phải chữ ký, chữ viết của bà, tuy nhiên Kết luận giám định số 87/KL-KTHS ngày 21/6/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận chữ ký, chữ viết mang tên Phạm Thị Đ trên tài liệu cần giám định so với chữ ký chữ viết mang tên Phạm Thị Đ trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký và viết ra. Và tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là luật sư Lại Nam H trình bày xác định bị đơn bà Đ đã thừa nhận có vay của ông S khoản vay 300.000.000 đồng này. Do đó,

đã đủ căn cứ để xác định bà Phạm Thị Đ đã vay của ông Nguyễn Đình S số tiền tổng cộng là 500.000.000 đồng như ông S khởi kiện là đúng.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bị đơn bà Phạm Thị Đ đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ mới là các bản sao kê tài khoản ngân hàng của bà Đ từ ngày 24/9/2019 tới 08/8/2020, bà Đ trình bày cho rằng bà đã trả nợ cho ông S bằng cách nhiều lần chuyển tiền từ các tài khoản ngân hàng của bà vào các tài khoản ngân hàng của ông S và chuyển tiền cho những người khác thay cho ông S với tổng số tiền là **220.456.000 đồng.** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Đình S trình bày đối với số tiền mà bà Đ cung cấp cho Tòa án thể hiện đã chuyển khoản cho ông S thì ông S chỉ thừa nhận là ông đã nhận tổng cộng **187.000.000 đồng** (Một trăm tám mươi bảy triệu đồng) từ bà Đ, nhưng ông cho rằng đây là các khoản vay mượn khác qua lại thường xuyên giữa ông và bà Đ chứ không phải là tiền bà Đ trả nợ đối với số tiền 500.000.000 đồng mà ông S đang khởi kiện trong vụ án này. Còn số tiền còn lại bà Đ chuyển cho người khác thì không liên quan tới ông.

Lời trình bày của ông S cho rằng số tiền bà Đ chuyển khoản cho ông không phải số tiền trả nợ cho ông trong vụ án này nhưng ông không đưa ra tài liệu gì để chưng minh về việc vì sao bà Đ lại chuyển tiền cho ông và tại phiên tòa phúc thẩm, ông S cho rằng đây là số tiền bà Đ chuyển trả các khoản vay khác nhưng ông cũng không đưa ra được tài liệu gì để chứng minh ngoài khoản vay ông S đang khởi kiện bà Đ thì ông còn cho bà Đ vay khoản vay nào khác. Ngoài ra, đối với số tiền ông S nhận 100.000.000 đồng ngày 08/8/2020 thì ông S cho rằng là số tiền bà Đ nhờ ông S vay- vào ngày 28/5/2020 (vay bằng hình thức ông S 10 lần chuyển tiền cho bà Đ vào số tài khoản 0231000320466 ngân hàng VIETCOMBANK của bà Phạm Thị Đ) để bà Đ trả tiền nợ bảo hiểm xã hội của 04 nhân viên công ty bà Đ và số tiền 6.000.000 đồng bà Đ chuyển tiền vào ngày 27/7/2020 là số tiền lãi của của khoản vay 100.000.000 đồng- ngày 28/5/2020, nhưng ông S không đưa ra được tài liệu chứng minh cho lời trình bày của mình và bị đơn cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cũng không thừa nhận.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định sau khi bà Đ và ông S ký hợp đồng cho vay tiền số tiền 200.000.000 đồng ngày 26/8/2019 thì từ ngày 24/9/2019 tới 08/8/2020 bà Đ đã chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của ông S để trả nợ cho ông S với số tiền 187.000.000 đồng là đúng. Do đó, đối với số tiền 187.000.000 đồng bà Đ trả cho ông S thì cần trừ vào số tiền gốc 500.000.000 đồng mà bà Đ vay của ông S, là phù hợp. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Đ. Sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng – 187.000.000 đồng = 313.000.000 đồng tiền gốc và 148.230.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 461.230.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 187.000.000 đồng.

[3] Về án phí:

Do sửa bản án sơ thẩm nên cần xác định lại nghĩa vụ chịu án phí. Bị đơn bà Phạm Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện được chấp nhận về số tiền 461.230.000 đồng là 22.449.000 đồng.

Nguyên đơn ông Nguyễn Đình S phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, tuy nhiên ông S là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên cần miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông S.

Do kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo là bị đơn bà Phạm Thị Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Đ

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2022/DS-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình S.

Buộc bị đơn bà Phạm Thị Đ phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Đình S số tiền 313.000.000 đồng tiền gốc và 148.230.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 461.230.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi mốt triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Phạm Thị Đ phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Đình S số tiền 187.000.000 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, khoản 2 điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về chi phí tố tụng khác:

Buộc bị đơn bà Phạm Thị Đ phải chịu 5.100.000 đồng tiền chi phí giám định tư pháp. Trả lại cho ông Phạm Đình S 5.100.000 đồng tiền chi phí giám định tư pháp sau khi thu được của bà Phạm Thị Đ.

4. Về án phí:

Bị đơn bà Phạm Thị Đ phải chịu 22.449.000 đồng (Hai mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Nguyễn Đình S được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn bà Phạm Thị Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Phạm Thị Đ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0021390 ngày 23/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- TANDCC tại Đà nẵng**;**
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TP. Buôn Ma Thuột;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Đức